

Giáo dục Việt Nam trước thêm hội nhập: cái nhìn của thầy lang

Nghiêm Hồng Sơn

1. Giới thiệu

Giáo dục đào tạo là một trong những ngành then chốt của mọi quốc gia. Với sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật và công nghệ cũng như tiến trình tất yếu của toàn cầu hóa, vai trò của giáo dục đào tạo càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nhận thức rõ vấn đề này, phát triển giáo dục đã và đang trở thành một chủ đề được quan tâm đặc biệt của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam. Bài viết này xuất phát từ ý kiến thảo luận của một số thành viên trong [Diễn Đàn Nghiên Cứu Sinh Việt Nam](#), nơi giao lưu của một số sinh viên đang học tập tại Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.

Bài viết này cố gắng phân tích các quan điểm, lý luận và các thông tin một cách tổng thể như cách chuẩn đoán và điều trị bệnh của các thầy thuốc. Lý do chọn phương pháp này xuất phát từ nhận thức rằng giáo dục và các lĩnh vực khác trong nền kinh tế có quan hệ tương hỗ với nhau đồng thời chịu ảnh hưởng của môi trường hoạt động. Vì vậy, cần thiết tiến hành một phân tích tổng thể về giáo dục và nền kinh tế Việt Nam như hệ thống phức tạp của các cơ quan trong cơ thể người nhằm hiểu rõ mối quan hệ giữa các nhân tố trong hệ thống, từ đó đưa ra các biện pháp giải quyết vấn đề cho phù hợp. Nhiều khi vấn đề có vẻ không liên quan gì đến giáo dục nhưng nếu giải quyết được thì cũng sẽ khắc phục được vấn đề của giáo dục giống như các thầy thuốc có thể dùng các liệu pháp thần kinh để trị bệnh dạ dày. Phương pháp này đã được áp dụng phổ biến trong các nghiên cứu phát triển và gần đây được giáo sư Jeffrey Sachsⁱ đề xuất thành một ngành mới trong kinh tế học. Do thời gian và nguồn lực hạn chế cũng như tính phức tạp và quy mô đồ sộ của chủ đề bài viết chỉ như ý kiến của một thầy lang vườn trước một ca bệnh khó. Tuy nhiên, kết hợp giữa đông y và tây y đang là một xu hướng điều trị phổ biến, hy vọng rằng các ý kiến của thầy lang sẽ giúp các bác sỹ có thêm thông tin tham khảo.

Bài viết này gồm 5 phần. Sau phần giới thiệu, một số biểu hiện bất bình thường của hệ thống giáo dục Việt Nam được nêu ra tại phần 2. Phần 3 tập trung phân tích các nhân tố cản trở sự phát triển nền giáo dục nước ta từ khía cạnh nội tại và môi trường. Phần 4 đề xuất một số cải cách để phát triển ngành giáo dục Việt Nam. Các kết luận của bài viết được trình bày tại phần 5.

2. Triệu chứng

Khi đọc bài này, không ít người sẽ hỏi tại sao phải khám bệnh cho giáo dục Việt Nam? Nền giáo dục nước ta vẫn khỏe mạnh đấy chứ, hãy nhìn xem: học sinh Việt Nam luôn đạt thành tích cao tại các kỳ thi quốc tế. Ví dụ như môn toán, đoàn Việt Nam phần lớn nằm trong nhóm các nước dẫn đầu. So với các nước trong khu vực như In-đô-nê-sia và Philipin (cùng nhóm thu nhập thấp, tuy có nhỉnh hơn Việt Nam một chút), Thái Lan, Hàn Quốc (nhóm thu nhập khá), và Trung Quốc, Ấn Độ (nhóm nước lớn có tốc độ phát triển nhanh) thì thành tích của đoàn Olympic toán Việt Nam chỉ đứng sau nhà vô địch tuyệt đối Trung Quốc, và vượt xa các nước láng giềng trong khối ASEANⁱⁱ. Các môn

khác như lý, hóa, tin học và cả các môn ứng dụng như thiết kế rôbốt, học sinh Việt Nam đều đạt thành tích rất cao. Ngoài ra, tỷ lệ người lớn biết chữ ở Việt Nam là 90.3%, cao hơn mức trung bình của thế giới và một số nước trong khu vực; tỷ lệ phổ cập tiểu học là 100%, tỷ lệ tốt nghiệp PTTH đạt trên [95%](#), tỷ lệ học sinh khá và giỏi có nơi đạt tới [80-90%](#).

Thứ hạng toàn đoàn tại các kỳ thi Olympic toán Quốc tế							
Năm	Trung Quốc	Việt Nam	Hàn Quốc	Ấn Độ	Thái Lan	Indônêsi	Philipin
1989	1	9	28	25	41	49	43
1990	1	23	32	17	33	51	48
1991	2	8	17	10	25	48	42
1992	1	10	18	21	37	53	44
1993	1	9	15	15	41	70	52
1995	1	4	7	14	34	53	65
1996	6	7	8	14	47	70	74
1997	1	10	11	15	52	63	73
1998		9	12	7	42	68	70
1999	1	3	7	18	47	64	73
2000	1	5	4	14	29	51	70
2001	1	10	4	7	22	59	75
2002	1	5	6	9	21	64	74
2003	2	4	6	15	19	37	79
2004	1	4	12	14	35	54	79
2005	1	15	5	36	23	42	68
Trung bình	1	8	10	15	31	50	61
<i>Nguồn: Tổng hợp từ http://www.srcf.ucam.org/~jsm28/imo-scores/</i>							
<i>Ghi chú: Năm 1998 kỳ thi tổ chức tại Đài Loan, Trung Quốc không tham gia vì lý do chính trị</i>							

Nếu bạn đọc hoàn toàn bị thuyết phục bởi các thành tích trên và cho rằng có thể “gối cao đầu mà ngủ” về ngành giáo dục thì có lẽ Việt Nam có thể sẽ khó biến mong ước “sánh vai cùng các cường quốc năm châu” của Bác Hồ sớm thành sự thật. Rất may là nhiều người đã nhìn thấy các biểu hiện không bình thường về một số căn bệnh đang tiềm ẩn trong cơ thể ngành giáo dục Việt Nam. Nhiều ý kiến đề xuất cải cách giáo dục của tầng lớp học giả và các nhà quản lý đã được đưa ra. Tuy nhiên, phần lớn các ý kiến về giáo dục Việt Nam trước đây tập trung vào một số lĩnh vực của giáo dục mà thiếu quan tâm đến cả hệ thống. Bài viết này hy vọng đem đến cho người đọc một bức tranh mosaicⁱⁱⁱ, được ghép từ ý kiến của các bài viết trước và trải nghiệm của những sinh viên chúng tôi với nền giáo dục Việt Nam và thế giới, nhằm góp phần đưa giáo dục nước ta phát triển phù hợp với xu thế toàn cầu hóa.

Để dẫn chứng về khả năng ngành giáo dục Việt Nam đang mắc bệnh, hãy quan sát một số biểu hiện bất bình thường sau:

- Trong khi tỷ lệ học sinh giỏi ngày càng tăng thì năm ngoái có đến [300 học sinh giỏi đạt điểm 0](#) trong cả 3 môn thi đại học mặc dù trong khi gần đây Bộ Giáo Dục đã ra đề thi gần với chương trình PTTH hơn.
- Học sinh Việt Nam luôn đạt giải cao tại các kỳ thi olympic trong khi số lượng công nghệ do Việt Nam phát triển và làm chủ chẳng đáng là bao, ví dụ gần đây

hãng Canon tại Việt Nam không thể tìm được công ty nào làm được “[một chiếc đinh vít cho ra đinh vít](#)”. Ngoài ra, tỷ lệ hàng hóa và dịch vụ công nghệ cao của Việt Nam chỉ chiếm 1.56% trên tổng giá trị xuất khẩu, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới (20.28%) và thấp nhất trong các nước thuộc nhóm so sánh.^{iv}

- Trong khi số lượng [thạc sỹ, tiến sỹ của Việt Nam gấp 6 lần so với Thái Lan](#) trong khi số công trình nghiên cứu của Thái Lan trên các tạp chí khoa học quốc tế (449) nhiều hơn 4 lần của Việt Nam (115). Số đơn xin cấp bằng sáng chế trung bình trong giai đoạn 1994-2004 của Việt Nam cũng chỉ đứng trên In-đô-nê-sia, và thấp hơn nhiều so với các nước còn lại.

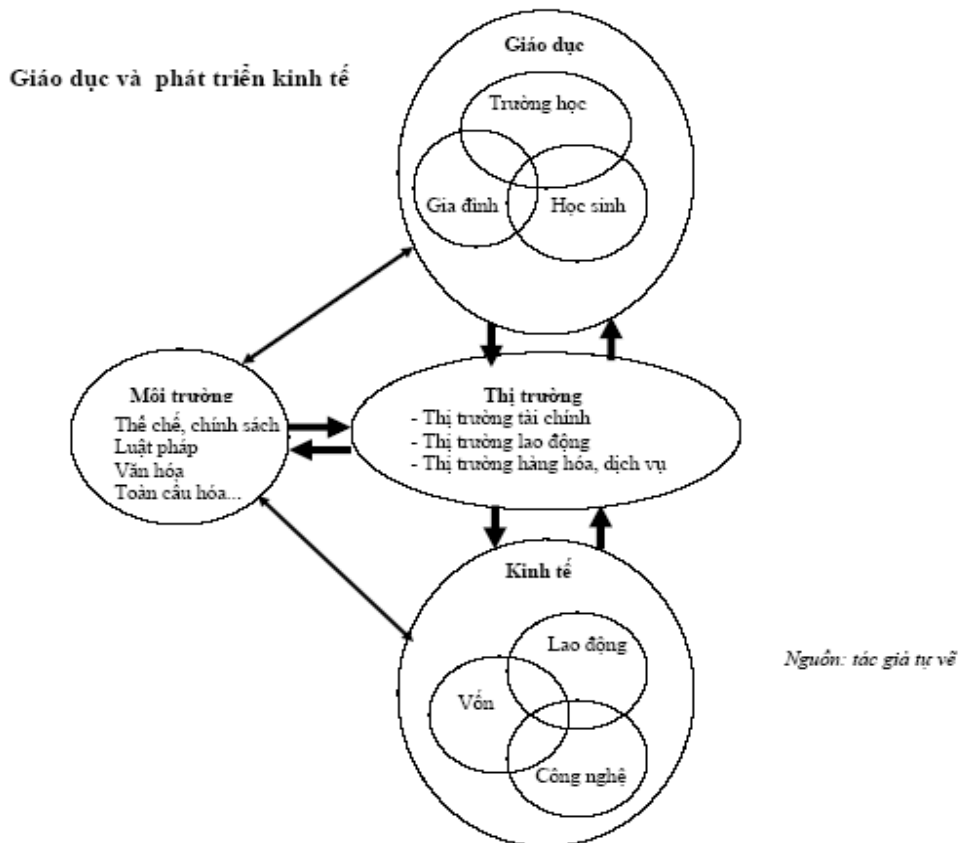
Một số chỉ tiêu về kinh tế và chất lượng giáo dục						
	GDP/người năm 2004 (USD)	Chi giáo dục/GDP (%)	Tỷ lệ người lớn biết chữ (%)	Số bài báo khoa học, công nghệ	Số đơn xin cấp bằng sáng chế	Tỷ lệ công nghệ cao trong xuất khẩu (%)
Quốc gia						
Trung Quốc	1162	2.04	90.92	13601	18120	16.41
Ấn Độ	538	3.78	61.01	10057	2069	4.54
In-đô-nê-sia	906	1.32	87.87	152	7	11.50
Hàn Quốc	12743	3.90	98.00	6623	70344	63.03
Phi-líp-pin	1079	3.51	92.60	164	107	28.52
Thái Lan	2399	5.33	92.65	499	509	29.90
Việt Nam	500	5.30	90.28	115	24	1.56
Thế giới	5501	4.22	78.29	610112	751266	20.28
<i>Nguồn: Tổng hợp từ các chỉ tiêu phát triển thế giới (WDI Online)</i>						
<i>Ghi chú: Số liệu chi giáo dục/GDP của Việt Nam được thu thập từ bài viết của Vũ Quang Việt (http://vietnamnet.vn/giaoduc/2006/02/540758/) do số liệu về mục này của Việt Nam tại WDI thiếu từ các năm 2000 trở đi</i>						

Còn rất nhiều những biểu hiện như trên có thể chỉ ra cho ngành giáo dục Việt Nam mặc dù thành tích trong báo cáo của ngành này năm nào cũng tốt. Những biểu hiện này không khó nhận ra và ngành giáo dục cũng đã thực hiện nhiều cải cách từ hơn 10 năm nay nhưng chưa tạo được những thay đổi đáng kể. Có vẻ như ngành giáo dục đang cải cách theo kiểu “giả vờ”^v có từ thời bao cấp. Cách làm này hết sức nguy hiểm khi sắp tới chúng ta không thể “giả vờ” có năng lực cạnh tranh khi hội nhập với thế giới được vì làm vậy sẽ có kết cục như nhảy xuống biển mà chỉ “giả vờ” biết bơi. Đã đến lúc cần trung thực với chính mình. Trước khi quá muộn, hãy cùng nhau phân tích các triệu chứng trên để hy vọng bắt đúng bệnh và đưa ra liệu pháp điều trị phù hợp.

3. Bắt mạch

Có thể kể ra rất nhiều nguyên nhân khiến giáo dục Việt Nam phát triển chậm. Một số nghiên cứu, tham luận và giới truyền thông đã nêu ra một số nguyên nhân như bệnh thành tích, tình trạng quá tải trong chương trình tiểu học, nạn dạy thêm v.v. Bài viết này xem xét tất cả các yếu tố liên quan đến giáo dục và phát triển kinh tế và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong một hệ thống nhằm phát hiện các nguyên nhân gốc rễ của tình trạng bất cập của giáo dục Việt Nam với yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập. Tục ngữ Trung Hoa có câu “một bức tranh hơn ngàn lời nói”, các nhân tố liên quan đến sự phát triển của giáo dục và kinh tế được phác họa thành một sơ đồ đơn giản dưới đây. Các nhân tố trực tiếp liên quan đến hoạt động giáo dục bao gồm nhà trường, học sinh và gia đình. Các yếu tố cơ bản cấu thành các hoạt động kinh tế bao gồm lao động, vốn (vd: tiền và thiết bị sản xuất) và công nghệ (mặc dù công nghệ có thể được bao hàm trong vốn nhưng bài viết này tách riêng yếu tố này ra để dễ hình dung quan hệ giữa giáo dục và phát triển kinh tế). Thông qua các biến động của thị trường (bao gồm thị trường lao động, tài chính và hàng

hóa dịch vụ) giáo dục kinh tế lưu thông với nhau. Ví dụ như giáo dục cung cấp cho hoạt động kinh tế nguồn lao động có tay nghề, tư duy và tư cách phù hợp, cùng với các công nghệ mới trong khi kinh tế giúp tạo thêm vốn để đầu tư vào giáo dục cũng như phát các tín hiệu về nhu cầu lao động và công nghệ để giáo dục đáp ứng. Cả giáo dục và kinh tế đều chịu tác động trực tiếp (hoặc gián tiếp thông qua các tín hiệu của thị trường) của các yếu tố môi trường như thể chế chính trị, các chính sách kinh tế xã hội của nhà nước, hệ thống luật pháp và việc thực thi pháp luật, văn hóa, và các biến động của tình hình thế giới như xu thế toàn cầu hóa. Ví dụ nhà nước có thể thông qua chính sách tăng thuế vào các hoạt động kinh tế nhằm có thêm ngân sách để tăng để đầu tư cho giáo dục. Ngoài ra, xu thế toàn cầu hóa cũng khiến cho lao động, công nghệ và vốn được luân chuyển tự do hơn giữa các nước thông qua hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Vì vậy, giáo dục phải đào tạo một lực lượng lao động đáp ứng được khả năng cạnh tranh quốc tế của ngành kinh tế.



Sau khi đã hình dung sơ bộ hệ thống liên kết giữa giáo dục và phát triển kinh tế, chúng ta có thể tiếp tục phân tích các nguyên nhân dẫn đến những bất cập của nền giáo dục nước nhà. Các nguyên nhân này được chia ra thành hai nhóm chính: môi trường hoạt động, thị trường và các yếu tố nội tại của ngành giáo dục.

3.1 Môi trường

Môi trường là yếu tố được chọn để phân tích trước vì kinh nghiệm nghiên cứu xã hội của chúng tôi cho thấy đây thường là nơi hình thành các nguyên nhân gốc rễ của vấn đề.

3.1.1 Cơ chế

Tập trung hóa quyền lực là một rào cản đối với sự phát triển của ngành giáo dục Việt Nam. Cụ thể là tập trung hóa quyền lực khiến cấp cơ sở luôn bị động, không thể đưa ra các quyết định linh hoạt và kịp thời trong quá trình quản lý. Ví dụ các trường không được tự chủ tuyển chọn và sa thải giáo viên, quyết định số lượng tuyển sinh tùy theo tình hình tế. Việc tập trung quyền lực cũng khiến các cơ quan quản lý quá tải, dẫn tới quản lý lỏng lẻo, không kiểm soát được các hoạt động diễn ra tại cơ sở.

3.1.2 Đầu tư của Nhà nước cho giáo dục

Hiệu quả một số chính sách giáo dục của Nhà nước chưa cao cũng là nguyên nhân khiến nền giáo dục nước ta chưa phát triển. Mức đầu tư cho giáo dục trên tổng GDP trung bình trong giai đoạn 1994-2004 của Việt nam đạt 5.3%, cao hơn mức trung bình của thế giới (4.22%). Tuy vậy, nhiều cơ sở giáo dục vẫn chưa đầu tư có hiệu quả vào công nghệ tiên tiến vào giảng dạy và nghiên cứu như sách, tạp chí và máy tính, và internet cho thư viện, cũng như dụng cụ và thiết bị cho phòng thí nghiệm. Nhìn sang Trung Quốc (có mức chi giáo dục/GDP chỉ đạt 2.04% trong cùng thời kỳ) thì có vẻ như hiệu quả các khoản đầu tư của Nhà nước vào giáo dục chưa như mong đợi.

3.1.3 Thực thi luật pháp

Theo các kênh thông tin phổ biến tại Việt Nam như báo, đài, TV, internet ... thì một trong những nguyên nhân phổ biến của những bất cập trong ngành giáo dục là [bệnh thành tích](#). Điều này nghe có vẻ là nguyên nhân nội tại của giáo dục nhưng được xếp nhóm môi trường vì các nhân “bệnh thành tích” hình như không phù hợp với bản chất của vấn đề. Phần đầu thành tích cao không phải bệnh mà là nhân tố tích cực để đưa xã hội phát triển. Bản chất của vấn đề là đạt thành tích cao mà không phải là thành tích cao (thành tích giả). Vì vậy, cái nhân đúng của vấn đề phải là bệnh gian dối, hay thiếu [trung thực](#). Tuy vậy, bệnh gian dối hình như vẫn chưa phải là nguyên nhân gốc rễ của vấn đề. Nguyên nhân khiến chúng ta gian dối với nhau hình như tất cả các bên đều được lợi: lãnh đạo nhà trường và cơ quan quản lý sẽ được khen thưởng và thăng tiến, giáo viên được tăng lương, học sinh sẽ được điểm thưởng và có một hồ sơ “đẹp” để đi tìm việc. Ngoài ra, theo quan điểm của ngành tội phạm học cho thấy có hai yếu tố chính khiến gian dối (và các loại hình tiêu cực khác) gia tăng là do xác suất bị phát hiện thấp và sự trừng phạt nhẹ. Sở dĩ ít bị phát hiện thứ nhất là do công tác thanh tra trong giáo dục chưa được tiến hành một cách độc lập và nghiêm túc, còn trừng phạt không nghiêm là do khung hình phạt quá lớn và có nhiều yếu tố có thể dùng để “giảm nhẹ”. Cụ thể là bệnh gian dối trong ngành giáo dục chủ yếu do quy chế thanh tra, kiểm tra không khách quan và nghiêm minh. Vì vậy, nguyên nhân gốc rễ của “bệnh thành tích” là do thực thi luật pháp chưa nghiêm, dẫn tới không tôn trọng pháp luật. Sự xuất hiện hai lần của công an (ngành đóng vai trò chủ đạo trong việc phát hiện và trừng trị tiêu cực) trong [nhóm 10 ngành tham nhũng hàng đầu tại Việt Nam](#) đã phần nào chứng minh nhận định trên.

Gian dối, coi thường trật tự kỷ cương, cũng là bản chất của các vấn đề khác của ngành giáo dục Việt Nam như tình trạng dạy thêm tràn lan. Mặc dù nhiều sở giáo dục đã có văn bản cấm dạy thêm song tình trạng này vẫn rất phổ biến. Kết quả cuộc điều tra mức sống dân cư năm 2002 cho thấy học thêm là khoản chi lớn thứ 2, chiếm trung bình 20% tổng chi về giáo dục của các hộ gia đình. Hơn nữa, tỷ trọng chi học thêm trong tổng chi về giáo dục tăng dần với thu nhập của các hộ gia đình (vd: hộ rất nghèo chi 10% trong khi hộ giàu chi 25%). Trong khi tổng chi cho giáo dục của các hộ giàu đã lớn hơn các hộ nghèo, sự chênh lệch về tỷ trọng chi phí cho học thêm có thể dẫn đến tình trạng trẻ em nhà giàu đủ khả năng tài chính học thêm những kiến thức với chi phí mà hộ nghèo không thể trang trải.

Cơ cấu chi phí giáo dục phân theo loại hộ							
Loại hộ	Học phí	Đóng góp cho trường, lớp	Quần áo đồng phục	Sách giáo khoa	Dụng cụ học tập	Học thêm	Khác
Rất nghèo	17.4%	20.8%	10.0%	17.0%	16.1%	10.1%	8.5%
Nghèo	20.6%	16.6%	10.3%	14.7%	13.1%	13.4%	11.3%
Trung bình	23.1%	13.0%	9.4%	13.1%	11.3%	15.9%	14.3%
Khá	27.2%	10.2%	8.0%	10.3%	8.5%	19.2%	16.5%
Giàu	33.6%	6.9%	5.8%	7.6%	5.8%	25.2%	15.1%
Bình quân	27.8%	10.8%	7.7%	10.6%	8.9%	19.9%	14.3%
Nguồn: Tổng điều tra mức sống dân cư (VLSS, 2002)							

Thực ra dạy thêm không phải là vấn đề nếu như điều này được thực hiện như một sự lựa chọn tự nguyện với phụ huynh và học sinh. Ngay cả các nước phát triển như Úc, Mỹ, Nhật cũng có các dịch vụ dạy thêm cho những phụ huynh và học sinh có nhu cầu. Tuy nhiên đó là dịch vụ dạy thêm do các công ty chuyên nghiệp như Kumon^{vi} đảm nhiệm. Việc dạy thêm ở Việt Nam là vấn đề vì giáo viên hoặc nhà trường trực tiếp đứng ra tổ chức nên dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi”. Nguy hiểm hơn, có giáo viên hay nhà trường còn dùng các biện pháp buộc học sinh phải học thêm như dành một phần chương trình chính thức cho các buổi dạy thêm, khiến ai không học thêm sẽ không hiểu bài đầy đủ.

3.1.2 Văn hóa

Lễ giáo phong kiến, với hàng ngàn năm tồn tại, vẫn để lại cho tới ngày nay những tác động tới mục đích, động cơ học tập của học sinh Việt Nam. Động cơ học để làm quan vẫn đang rất phổ biến, đặc biệt là tại bậc đại học và sau đại học. Tại bậc đại học, đa số sinh viên chọn ngành học theo mức thu nhập và tính ổn định của công việc hơn là sự đam mê của bản thân. Bậc sau đại học càng tệ hơn, người ta đua nhau đi học thạc sỹ, tiến sỹ để [kiếm mảnh giấy để tiến thân](#) hơn là muốn cống hiến cho khoa học.

Cùng với sự đóng góp tích cực của chế thị trường vào phát triển kinh tế, một số tác động hạn chế của cơ chế này đang được hình thành trong nền giáo dục Việt Nam.

Kiến thức đang bị cuốn vào vòng xoáy thương mại hóa; quan hệ thầy trò truyền thống đang dần chuyển màu sang quan hệ khách hàng-dịch vụ. Bằng cấp, điểm số đã có thể được mua bán sòng phẳng. Thậm chí, tự cho mình là “thượng đế” một số ít học sinh và/hoặc phụ huynh dăm mạt sát hoặc hành hung giáo viên. Trong khi đó, những mặt tích cực của cơ chế thị trường lại không được áp dụng như cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở giáo dục hay chịu trách nhiệm tới cùng với sản phẩm giáo dục của đơn vị mình. Nghe nói có một trường đại học ở Canada đã bỏ tiền mua lại toàn bộ số thép của một chiếc cầu bị sập do lỗi của một kiến trúc sư học từ trường đó ra để làm thành những chiếc nhẫn “nhục” đeo vào tay mỗi sinh viên khi tốt nghiệp nhằm nhắc họ về sự cố trên mà có trách nhiệm hơn trong công việc. Tại Việt Nam ngày nay, hình như khi học xong là nhà trường hết trách nhiệm với học sinh/sinh viên.

3.2 Thị trường

Giáo dục và các ngành kinh tế khác giao tiếp với nhau thông qua thị trường, vì vậy thị trường lành mạnh có sẽ tạo ra các tín hiệu đúng để giáo dục và phát triển kinh tế cùng phát triển. Những hạn chế cơ bản về thị trường ở Việt Nam bao gồm:

3.2.1 Thị trường tài chính

Thiếu vốn được coi là vấn đề thường nhật của nhiều doanh nghiệp Việt Nam. Kênh cung cấp tín dụng lớn nhất của nước ta hiện nay là các ngân hàng quốc doanh, chiếm khoảng 70% thị trường. Tuy nhiên, các ngân hàng quốc doanh chủ yếu dành tín dụng cho các doanh nghiệp Nhà nước, đa số kinh doanh không có hiệu quả. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp trong kinh tế tự nhân, nơi có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất và tạo nhiều việc làm nhất cho ngành kinh tế trong những năm gần đây lại buộc phải xử dụng các nguồn tín dụng không chính thức, thường có số lượng hạn chế với lãi xuất cao. Lượng tín dụng cho khối tư nhân/GDP của Việt Nam trung bình trong 10 năm gần đây đạt 29.02%, nhỉnh hơn một chút so với In-đô-nê-sia (27.68%) trong khi các số liệu tương tự tại Trung Quốc và Thái Lan lần lượt là 116.9% và 125.03%.

Một số chỉ tiêu về thị trường và môi trường kinh doanh					
Quốc gia	Cường truy cập Internet/thu nhập bình quân (%)	Tín dụng cho kinh tế khối tư nhân/GDP (%)	Tổng giá trị giao dịch tại TTTK/GDP (%)	Thời gian đăng ký BĐS (ngày)	Thời gian thành lập doanh nghiệp (ngày)
Trung Quốc	13.00	116.90	34.17	32	41
Ấn Độ	21.90	27.68	39.17	67	89
In-đô-nê-sia	37.60	36.15	23.37	33	151
Hàn Quốc	1.20	83.17	100.18	11	22
Phi-líp-pin	20.10	43.97	15.09	33	50
Thái Lan	4.20	125.03	36.81	2	33
Việt Nam	55.40	29.02	2.50	78	56
Nguồn: Tổng hợp từ các chỉ tiêu phát triển thế giới (WDI Online)					
Ghi chú: Số liệu về giao dịch chứng khoán/GDP của Việt Nam chưa có tại WDI, ước tính từ tổng giá trị giao dịch tại TTTK (khoảng 1 tỷ USD)/GDP (khoảng 40 tỷ USD)=2.5%					

Nơi huy động vốn quan trọng thứ hai của nền kinh tế là thị trường chứng khoán cũng chiếm vị trí hết sức khiêm tốn ở Việt Nam, mặc dù gần vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao. Tổng giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2005 ước đạt 2.5%, thấp hơn nhiều so với giá trị trung bình trong 10 năm gần đây của Trung Quốc (34.17%), Thái Lan (36.81%) và đặc biệt là Hàn Quốc (100.18%).

Bất động sản (BDS) được là một trong những tài sản lớn nhất của nhiều cá nhân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, BDS thường chỉ có thể biến thành vốn (thông qua cầm cố, thế chấp) khi có các giấy tờ hợp pháp. Tại Việt Nam thủ tục đăng ký BDS còn rất tốn thời gian (78 ngày, lâu nhất so với các nước trong nhóm) và tốn tiền (bao gồm các chi phí chính thức như thuế sử dụng đất, lệ phí, và các chi phí bôi trơn) nên nhiều người chưa thể có BDS hợp pháp, do đó không thể biến chúng thành vốn kinh doanh.

Tóm lại, thị trường tài chính chưa đáp ứng được nhu cầu huy động và cung cấp vốn cho nền kinh tế, đặc biệt là khối kinh tế tư nhân khiến cho số việc làm được tạo ra có thể ít hơn tiềm năng, từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu về lao động, công nghệ dẫn đến tác động dây chuyền tới sự phát triển của giáo dục.

3.2.2 Thị trường lao động

Bên cung trong thị trường lao động ở Việt Nam vừa thiếu lại vừa thừa. Ví dụ trong khi lao động quản lý, đặc biệt là quản lý cấp cao đang khan hiếm thì lao động phổ thông chưa qua đào tạo lại quá dồi dào.

Bên cầu về lao động, đặc biệt là khối quản lý Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước chưa công khai, minh bạch và chuyên nghiệp trong công tác tuyển dụng lao động. Do đó, dẫn đến tình trạng người có tài và phù hợp với công việc thì không được tuyển dụng để nhường chỗ cho những người “biết điều” hoặc con cháu trong nhà.

Trong khi đó các nhiều công ty môi giới việc làm, cho thiếu biện pháp giám sát và quản lý phù hợp, chỉ quan tâm đến việc thu phí môi giới mà ít chú ý đến lợi ích của người lao động.

Tóm lại, thị trường lao động phát các tín hiệu chưa chuẩn (do bị nhiễu từ quan niệm xã hội, cơ chế...) nên góp phần tạo nên tình trạng: a) việc lựa chọn ngành nghề và động cơ học tập của học sinh/sinh viên chưa phù hợp, b) ngành giáo dục không đào tạo ra được những người đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế. Tất cả những vấn đề này đều gây lãng phí nguồn lực của xã hội.

3.2.3 Thị trường hàng hóa dịch vụ

Hạn chế lớn nhất của thị trường hàng hóa dịch vụ tại Việt Nam hiện nay là sự độc quyền các doanh nghiệp nhà nước tại một số lĩnh vực như điện, nước, viễn thông khiến cho khách hàng phải sử dụng các dịch vụ, hàng hoá với giá cao với chất lượng thấp. Ví dụ như cước phí truy cập Internet tại Việt Nam chiếm 55% so với thu nhập trung bình của một người, trong khi con số này của Thái Lan là 4.2%, Trung Quốc là 13%, và đặc biệt là Hàn Quốc chỉ với 1.2%. Internet là kho kiến thức lớn nhất của nhân loại, vì vậy giá truy cập Internet quá cao so với thu nhập của người dân chắc chắn có tác động hạn chế tới sự phát triển của giáo dục.

3.3 Nội tại ngành giáo dục

Phần này tập trung phân tích các bất cập của giáo dục Việt Nam từ nhà trường, gia đình và học sinh.

3.3.1 Nhà trường

a) Phương pháp

Vấn đề nổi cộm nhất trong phương pháp giáo dục tại tất cả các bậc học ở Việt Nam hiện nay là thông tin một chiều từ thầy sang trò. Các kỹ năng tự tìm hiểu, khám phá của học sinh chưa được chú trọng phát triển. Các cuộc thảo luận, tranh luận giữa giáo

viên với học sinh hay giữa học sinh với nhau rất hữu ích. Chưa có các biện pháp khuyến khích học sinh tìm tòi và bổ xung kiến thức từ các nguồn thông tin khác nhau: như sách báo, đài, TV, Internet. Thậm chí, trang web của các trường đại học hiện nay được coi là một [kênh thông tin đang bị lãng phí](#). Nguyên nhân cơ bản của sự bất cập về phương pháp này là do sự lạc hậu của bản thân các chương trình đào tạo từ các trường sư phạm trong khi việc tái đào tạo để cập nhật và bổ xung kiến thức cho giáo viên chưa được thực hiện thường xuyên.

b) Nội dung

Phần này liệt kê sơ bộ một số bất cập về nội dung giảng dạy tại các bậc học ở Việt Nam từ trải nghiệm và quan sát của chúng tôi tại Việt Nam và nước ngoài. Do không phải là các nhà sư phạm nên bài viết này không dám đi sâu phân tích các bất cập về mặt nội dung này.

Mầm non

- Chưa tập trung rèn tính tự lập và kỷ luật cho các cháu, đặc biệt là tại cấp nhà trẻ. Ví dụ, đa số các cháu ở Việt Nam được cô bảo mẫu và bố mẹ bón thức ăn có thể cho tới 3 tuổi trong khi quan sát ở nước ngoài thấy họ cho trẻ tập tự ăn từ 9 tháng.
- Chưa quan tâm đến mất cân bằng về giới trong đội ngũ giáo viên mẫu giáo: đa số các giáo viên mẫu giáo ở Việt Nam là nữ trong khi các cháu trai cần các hình mẫu mạnh mẽ và quyết đoán của các giáo viên nam để hình thành tính cách.
- Quá coi trọng dạy các kiến thức phổ thông như toán và tiếng Việt trước khi tới trường: vấn đề này có lẽ được thực hiện nhằm đáp ứng mong mỏi của nhiều cha mẹ học sinh là con em mình được chuẩn bị tốt để thành các “thần đồng” ở lớp 1 trong khi thực tế làm như vậy khiến các cháu mất hứng thú khi phải học lại những kiến thức cũ.

Phổ thông cơ sở

- Khối lượng học tập quá nhiều tại lứa tuổi mới bắt đầu đi học trong khi nội dung và phương pháp truyền tải chưa phong phú khiến nhiều trẻ cảm thấy bị ép buộc, hơn là ham thích học tập.
- Thiếu cân bằng về giáo dục thể chất và dinh dưỡng có thể khiến trẻ em bị suy nhược, không đảm bảo sức khỏe để học tập có hiệu quả. Có thể coi trí lực và thể lực của con người như phần mềm và phần cứng trong chiếc máy tính: sắm phần mềm mới mà không nâng cấp phần cứng thì có thể máy sẽ không chạy nổi.
- Sách giáo khoa thay đổi thường xuyên và [được biên soạn với tốc độ quá nhanh nên có thể không kỹ](#). Ví dụ việc cải cách chữ viết sau một thời gian đã phải quay lại như lúc chưa cải cách.

Phổ thông trung học:

Không những tiếp tục kế thừa những bất cập từ tiểu học như chương trình nặng, hình thức nhàm chán và mất cân bằng về giáo dục thể chất, học sinh phổ thông trung học còn chịu thêm các bất cập về một số nội dung như:

- Chương trình hướng nghiệp mang tính hình thức: Chương trình hướng nghiệp thiếu về thời lượng, ít phong phú về nội dung, thiếu phương tiện thực nghiệm cũng

- nếu thiếu giáo viên có chất lượng. Ngoài ra, các chương trình hướng nghiệp không được thiết kế cho phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng địa phương. Vì vậy, hầu như học sinh không thể bước thẳng vào thị trường lao động sau khi tốt nghiệp cấp 3 mà chưa thể/chưa muốn học tiếp lên các bậc cao hơn.
- Một số môn học cơ bản và cần thiết như kinh tế và đặc biệt là tài chính^{vii} chưa hề được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông trong khi tại các nước tiên tiến những nội dung này đã được phổ cập từ lâu. Các nội dung cơ bản về kinh tế ít nhất giúp các công dân tương lai hiểu được mối quan hệ giữa các yếu tố tạo nên tổng sản phẩm quốc dân nhằm giúp họ nhận thức rõ ràng hơn về quyền lợi và nghĩa vụ của mình với sự phát triển của nền kinh tế. Trong khi đó những kiến thức cơ bản về tài chính trang bị cho học sinh các kỹ năng thiết thực về như lập kế hoạch tài chính cho bản thân và gia đình, tính toán và cân đối các phương án chi tiêu, đầu tư nhằm phát triển tài sản. Cùng với sự phát triển chưa toàn diện của hai loại hình đầu tư phổ biến nhất là [thị trường chứng khoán](#) và thị trường bất động sản, sự hạn chế của dịch vụ ngân hàng và thiếu hụt về kiến thức tài chính khiến nhiều bạn trẻ Việt Nam không có cơ hội [gây dựng tài sản cá nhân từ các hoạt động đầu tư](#).
 - Nội dung giảng dạy ở bậc phổ thông trung học không trang bị cho học sinh các kỹ năng rất quan trọng trước khi bước vào cuộc sống như kỹ năng giao tiếp, diễn thuyết, đàm phán, làm việc theo nhóm, và kỹ năng giải quyết vấn đề. Nhóm này được gọi các kỹ năng hỗ trợ chung, cần thiết cho tất cả các nghề. Với xu thế biến đổi nhanh trong của thị trường lao động hiện đại, ngoài các kỹ năng chuyên môn người lao động cần được trang bị các kỹ năng chung trên để thích nghi và phát triển với diễn biến thất thường của môi trường làm việc.

Dạy nghề

- Chưa đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng lao động như số lượng ngành nghề đào tạo hạn chế, chất lượng chưa cao. Nguyên nhân có thể là thiếu trang thiết bị, thiếu giáo viên giỏi. Cũng có thể do quan niệm lâu đời là lao động chân tay không “sang” bằng làm tại văn phòng nên nhu cầu học nghề chưa cao.

Đại học

- Đầu vào quá cứng, đầu ra quá mềm. Tỷ lệ chọn lọc tại các kỳ thi đại học ngành càng thấp tại hầu hết các trường, trong khi hầu như sinh viên nào cũng có khả năng tốt nghiệp sau khi đã đậu đại học.
- Giáo trình lạc hậu, thiếu phù hợp với thực tiễn: đa số các giáo trình tại học còn tồn tại từ thời bao cấp.
- Chương trình cứng nhắc: Đa số các môn học là bắt buộc, hầu như không có các môn tự chọn.
- Phương pháp đào tạo không khác với giáo dục phổ thông, [chưa chú trọng tạo cho sinh viên khả năng sáng tạo, nghiên cứu](#).
- Thiếu liên hệ chặt chẽ giữa giáo dục đại học và các ngành kinh tế
- [Tỷ lệ sinh viên /giảng viên quá cao](#), khiến giảng viên không còn thời gian soạn tài liệu giảng dạy kỹ lưỡng cũng như làm nghiên cứu khoa học
- Tuyển chọn giảng viên đại học theo kiểu “[cha truyền con nối](#)”, ít giảng viên được đào tạo từ các nền giáo dục tiên tiến của thế giới.

Sau đại học:

Nhiều người cho rằng, đào tạo sau đại học tại Việt Nam là nơi có nhiều bất cập nhất. Một số bất cập cơ bản là:

- Thiếu tính sáng tạo và khả năng áp dụng vào thực tế của các công trình nghiên cứu sau đại học nên [chất lượng nghiên cứu không cao](#)
- Chưa hướng tới tính quốc tế của đào tạo sau đại học: nhiều sinh viên không giỏi ngoại ngữ; luận văn sau đại học chưa được đánh giá bởi các giảng viên trường ngoài và đặc biệt là nước ngoài.

3.3.2 Gia đình:

Hạn chế lớn nhất của gia đình/phụ huynh học sinh là nhiều người không được trang bị các kiến thức về quá trình phát triển kỹ năng và tâm lý trẻ em cũng như các yêu cầu giáo dục. Vì vậy, không có các biện pháp hỗ trợ nhà trường, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục nhân cách.

3.3.3 Học sinh

Không phải do là sinh viên nên chúng tôi “bên” học sinh/sinh viên khó được coi là nhân tố gây cản trở sự phát triển của một nền giáo dục. Thái độ, tư duy và nhân cách của học sinh/sinh viên được coi là sản phẩm, là tấm gương phản ánh thực trạng của các cơ sở giáo dục, quan hệ gia đình và tình hình xã hội. Sản phẩm không thể là nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng của chính mình.

4. Kê đơn

Lật ngược lại các vấn đề của ngành giáo dục Việt nam và hệ thống nguyên nhân đã phân tích ở trên sẽ có thể thấy ngay các giải pháp nào cần phải được tiến hành. Vì vậy, phần phân tích giải pháp sẽ không đề cập lại các chi tiết đã nêu trong phần phân tích nguyên nhân trên mà chỉ liệt kê các định hướng giúp các nhà quản lý giáo dục xem xét.

4.1 Toa thuốc

- Tăng cường tính tự chủ cho các cơ sở giáo dục, nâng cao tính sáng tạo và khả năng cạnh tranh của các đơn vị với nhau
- Dạy thêm các kỹ năng bổ trợ tại phổ thông cơ sở như các kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, giao tiếp, đàm phán, làm việc theo nhóm.
- Cân bằng giáo dục thể chất, dinh dưỡng. Tăng cường các hoạt động giáo dục thể chất. Có thể cân nhắc việc lựa giới thiệu các môn võ dân tộc như vào trong chương trình giáo dục thể thao học đường vì có các ưu điểm là góp phần bảo tồn, phát triển và truyền bá tinh hoa văn hóa Việt Nam, rèn thể lực, ý trí cho học sinh (rất cần thiết trong cuộc sống), ít tốn kém về đầu tư trang thiết bị, sân bãi so với nhiều môn thể thao khác.
- Tăng quyền hạn, tính độc lập và trách nhiệm cho thanh tra giáo dục

- Thành lập các viện công nghệ chất lượng cao, tham khảo các mô hình như Viện Công Nghệ Ấn độ và [Viện khoa học công nghệ Hàn Quốc](#).
- Liên thông giữa các cấp bậc giáo dục: tạo thêm cơ hội học tập lên cao cho người dân, tránh lãng phí nguồn lực.
- Cập nhật và áp dụng công nghệ tiên tiến của thế vào giáo dục: giáo trình điện tử, các loại hình đào tạo thông qua Internet.
- Dần dần xóa bỏ các trường chuyên, lớp chọn, chương trình phân ban: lý do mọi học sinh có quyền như nhau.
- Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, giáo dục thường xuyên: khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực này.

4.2 Biện pháp hỗ trợ

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao tính nghiêm minh trong hành pháp
- Cải thiện thị trường lao động: tạo động lực lành mạnh hơn trong việc học tập và lựa chọn ngành nghề
- Phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng: khuyến khích đầu tư cá nhân, huy động các nguồn lực tài chính nhàn rỗi vào sản xuất.
- Cải thiện môi trường đầu tư, đặc biệt là đơn giản hóa hơn nữa thủ tục việc thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp. Kết quả sẽ tăng số lượng doanh nghiệp tư nhân: tạo việc làm cho các học sinh tốt nghiệp phổ thông, lao động dư thừa từ các doanh nghiệp nhà nước, giảm áp lực thi vào đại học, tăng cường động lực học nghề.
- Tăng cường hệ thống pháp luật về sở hữu tài sản, đặc biệt là tài sản trí tuệ
- Đẩy mạnh dân chủ: nâng cao ý thức của công dân về quyền lợi và nghĩa vụ với quốc gia

5. Kết luận

Tiến trình hội nhập quốc tế đang cận kề cửa ngõ tại Việt Nam. Gần đây một số học giả đã ví rằng Việt Nam đang đứng trước “[cơ hội Thánh Gióng](#)” (TS Vũ Minh Khương) hay “[thời cơ vàng của Đảng](#)” (ông Nguyễn Trung). Bài viết này nhấn mạnh thêm rằng Thánh Gióng ngày nay không nhất thiết phải sinh ra tại Việt Nam; “thời cơ vàng” cũng không chỉ dành cho Đảng và nhân dân Việt Nam. Với bản chất của quá trình hội nhập kinh tế, thuật ngữ “thời cơ vàng” cần được dịch theo từ điển của các nhà kinh doanh rằng “ai có vàng sẽ tạo ra thời cơ” (vàng ở đây bao gồm các nguồn lực như vốn con người, tài chính, địa chính trị, tài nguyên thiên nhiên, văn hóa.v.v.). Phát triển giáo dục chiến lược để khai thác có hiệu quả một trong những mỏ vàng lớn và quan trọng nhất của Việt Nam: nguồn nhân lực.

Lời cảm ơn

Cảm ơn TS Vũ Minh Khương (ĐH Havard) đã dành thời gian tham gia buổi tọa đàm trực tuyến và đưa ra các ý kiến đóng góp quý báu cho bản dự thảo của bài viết này. Cảm ơn bạn Đào Ngọc Thế Vinh (ĐH Queensland) đã dành thời gian sưu tập và cung cấp các tài liệu tham khảo. Chân thành cảm ơn bạn Nguyễn Kinh Luân (ĐH Queensland) đã dành nhiều thời gian và công sức thành lập diễn đàn và đứng ra tổ chức cuộc giao lưu trực tuyến. Cảm ơn các bạn Nguyễn Văn Thắng (ĐH Texas), Đỗ Cẩm Thơ, Nguyễn Hải Đăng, Nguyễn Thế Điện, Trần Thu Hương (ĐH Paris) trong việc tổ chức thành công buổi tọa đàm trực tuyến. Cảm ơn các thành viên như baocong, boria vv.. đã góp ý thẳng thắn cho bài viết. Người chấp bút, Nghiêm Hồng Sơn (ĐH Queensland), xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về những sai sót/ sơ xuất của bài viết.

ⁱ GS Sachs hiện là cố vấn đặc biệt của Tổng Thư Ký LHQ Kofi Annan, ông đã tư vấn thành công cho chính phủ của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Trung Quốc và Ấn Độ, về cải cách kinh tế. GS Sachs cũng là người đề xuất ngành kinh tế lâm sàng (phân tích kinh tế như cách thầy thuốc khám bệnh) được áp dụng trong bài viết này, chi tiết xem cuốn sách của ông có tiêu đề “The end of poverty: how we can make it happen in our lifetime” (tạm dịch: “Kết thúc đói nghèo: làm thế nào để đạt được trong thời gian của chúng ta”) xuất bản năm 2005.

ⁱⁱ Do số lượng các nước tham gia thi mỗi năm khác nhau nên số thứ hạng trung bình có thể chưa phản ánh chính xác thành tích chung của các nước trong từng giai đoạn, tuy nhiên đây là cách nhanh và dễ nhất để phân tích.

ⁱⁱⁱ Mosaic là một loại hình nghệ thuật ghép các mảnh vụn từ đá, thủy tinh, gốm, sứ ..v.v. để tạo tranh

^{iv} Số liệu từ WDI trình bày trong bài viết này là giá trị trung bình trong giai đoạn 1994-2004 để tránh sai lệch thông tin do biến động của các chỉ tiêu. Ngoài ra, số liệu tại một số quốc gia không được cập nhật liên tục (trừ GDP/người). Cách làm này tuy còn nhiều hạn chế song mục đích và quy mô của bài viết này không phù hợp để trình bày các phương pháp phân tích phức tạp hơn.

^v Thuật ngữ “giả vờ” được lấy từ chuyện vui của các công nhân Liên Xô trước đây: “Nhà nước giả vờ trả lương còn chúng ta giả vờ làm việc”.

^{vi} [Kumon](#) là công ty dạy thêm được thành lập năm 1954 tại Nhật Bản bởi ông Toru Kumon, người phát minh ra cách dạy toán cực kỳ hiệu quả. Dạy thử nghiệm trên cậu con trai lớp 2 kém toán của mình mỗi ngày 15-30 phút, đến năm lớp 6 cậu bé đã có thể giải toán cấp 3 thành thạo. Ngày nay, Kumon là công ty dạy thêm toàn cầu, hoạt động tại 44 nước trên thế giới với hơn 3 triệu học sinh.

^{vii} Ý tưởng đưa tài chính căn bản vào dạy tại các trường phổ thông có lẽ xuất phát từ Robert Kiyosaki, người đã làm ngành giáo dục Mỹ bị “choáng” khi xuất bản cuốn sách nhan đề “Nếu bạn muốn giàu có và hạnh phúc: Đừng tới trường?” (Nguyên văn: If you want to be rich and happy: Don’t go to school?”), trong đó ông chỉ trích nền giáo dục Hoa Kỳ không trang bị cho học sinh những kỹ năng tài chính cần thiết trước khi bước vào đời khiến nhiều người, không kể thu nhập cao hay thấp, phải vật lộn với những khó khăn về tài chính. Cuốn sách đã dẫn đầu danh sách bán chạy nhất trong 5 năm và đã được dịch sang 40 thứ tiếng. Ngày nay, xóa mù tài chính cho người lớn trở thành lĩnh vực rất phổ biến. Tài chính đã được đưa vào chương trình phổ thông tại nhiều nước.